

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trách nhiệm phối hợp giữa Trung tâm Quản lý giao thông công cộng và các đơn vị kinh doanh vận tải trong hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa và Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2018 Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4984/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2020 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại công văn số 1933/STP-VB ngày 24 tháng 4 năm 2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm phối hợp giữa Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng và các đơn vị kinh doanh vận tải trong hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng, và các đơn vị liên quan có chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm phối hợp giữa Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng
và các đơn vị kinh doanh vận tải trong hoạt động vận tải hành khách
công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định trách nhiệm của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng và các đơn vị kinh doanh vận tải trong phối hợp thực hiện công tác tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Vận tải hành khách công cộng là vận tải hành khách của các loại hình xe buýt, xe taxi, đường sắt đô thị, xe điện, buýt đường thủy, và xe đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân.
2. Vận tải hành khách bằng xe buýt là vận tải hành khách bằng xe ô tô có các điểm dừng đón, trả khách và xe chạy theo biểu đồ vận hành với cự ly, phạm vi hoạt động nhất định, bao gồm tuyến xe buýt nội tỉnh và tuyến xe buýt liên tỉnh.
3. Đường sắt đô thị bao gồm đường tàu điện ngầm, đường tàu điện đi trên mặt đất, đường tàu điện trên cao, đường sắt một ray tự động dẫn hướng và đường xe điện bánh sắt, phục vụ nhu cầu vận tải hành khách ở đô thị và vùng phụ cận.
4. Buýt đường thủy là phương tiện thủy nội địa chạy theo biểu đồ vận hành để

phục vụ vận tải hành khách có thu cước phí vận tải theo tuyến cố định có các cảng, bến nơi đi và cảng, bến nơi đến.

5. Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giao thông vận có chức năng được quy định tại Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 9 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Thành phố Hồ Chí Minh (trong Quy định này được viết tắt là Trung tâm).

6. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động theo quy định pháp luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (theo Quyết định số 6339/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) (trong Quy định này được viết tắt là Công ty Đường sắt đô thị số 1).

7. Đơn vị kinh doanh vận tải bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia hoạt động kinh doanh vận tải hành khách.

8. Dịch vụ vận tải là dịch vụ vận tải hành khách công cộng.

9. Hệ thống thanh toán bù trừ là hệ thống tiếp nhận dữ liệu giao dịch từ nhiều hệ thống thu soát vé tự động khác nhau trong vận tải hành khách công cộng và thực hiện thanh toán phần chênh lệch giữa các giao dịch phát sinh khi dùng một vé điện tử để thanh toán cho dịch vụ vận tải hành khách công cộng do nhiều đơn vị kinh doanh vận tải cung cấp.

Điều 3. Nội dung phối hợp

Hoạt động phối hợp giữa Trung tâm và các đơn vị kinh doanh vận tải tập trung chủ yếu vào các nội dung về:

- a) Cung ứng dịch vụ vận tải;
- b) Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải;
- c) Chính sách giá vé cho hoạt động vận tải hành khách công cộng;
- d) Thanh toán, quyết toán dịch vụ vận tải;
- e) Đầu tư, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng;

g) Đầu tư, khai thác hệ thống thu soát vé tự động cho hoạt động vận tải hành khách công cộng;

h) Xử lý thông tin, phản ánh và giám sát;

k) Xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch, và chính sách.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Trung tâm và các đơn vị kinh doanh vận tải tôn trọng vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và công việc của mỗi bên, đảm bảo công tác quản lý của Trung tâm (theo phân công của cơ quan quản lý nhà nước là Sở Giao thông vận tải) và quyền tự chủ doanh nghiệp của đơn vị kinh doanh vận tải.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Trung tâm và các đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm chủ động phối hợp cùng nhau và với các ban ngành liên quan để giải quyết công việc trong công tác tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của đơn vị;

3. Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình phối hợp sẽ được Trung tâm và các đơn vị kinh doanh vận tải bàn bạc, thống nhất giải quyết dựa trên quy định của pháp luật, yêu cầu nghiệp vụ của mỗi bên và Quy định này. Trường hợp không thống nhất được các nội dung vượt quá thẩm quyền của các bên thì báo cáo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để chỉ đạo, giải quyết kịp thời.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Tổ chức họp định kỳ hoặc đột xuất tại trụ sở Trung tâm hoặc trụ sở đơn vị kinh doanh vận tải.

2. Trao đổi ý kiến bằng văn bản, điện thoại (trường hợp khẩn cấp), fax, email, hoặc qua bưu điện và cung cấp thông tin có liên quan.

3. Khảo sát, kiểm tra thực tế hiện trường, triển khai ngay các biện pháp nhằm xử lý ngay đối với các trường hợp khẩn cấp

4. Lập tổ công tác chuyên trách với nhân sự có đủ năng lực và trình độ tham gia thực hiện các nhiệm vụ liên quan.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 6. Về cung ứng dịch vụ vận tải

1. Trung tâm thực hiện:

a) Tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng, ký kết các hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải với các đơn vị kinh doanh vận tải.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và xử lý vi phạm hợp đồng được ký kết giữa Trung tâm và các đơn vị kinh doanh vận tải tham gia cung ứng dịch vụ vận tải theo quy định hiện hành.

2. Các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện:

a) Tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo các phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định;

b) Chấp hành các quy định hoạt động, nội quy khai thác và hợp đồng thực hiện dịch vụ vận chuyên hành khách.

3. Đối với các trường hợp khác của cung ứng dịch vụ vận tải:

Trung tâm và các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện theo quy định hiện hành về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; tổ chức, quản lý, khai thác, hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt; tổ chức, quản lý, khai thác, hoạt động vận tải hành khách bằng đường sắt đô thị; kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 7. Về quản lý chất lượng dịch vụ vận tải

1. Trung tâm thực hiện:

a) Xây dựng, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải tương ứng với các loại hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải;

b) Phối hợp với các đơn vị kinh doanh vận tải để nghiên cứu áp dụng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải vào các hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải (trường hợp có trợ giá);

c) Phối hợp với các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện các nội dung liên quan

đến quản lý chất lượng dịch vụ vận tải theo quy định hiện hành (trường hợp không có trợ giá);

d) Tiếp nhận và xử lý kịp thời ý kiến của các đơn vị kinh doanh vận tải liên quan về điều chỉnh mạng lưới tuyến và nội dung hoạt động các tuyến xe buýt;

e) Tiếp nhận thông tin và phối hợp với các bên liên quan trong kiểm tra, theo dõi và xử lý các vấn đề về an toàn giao thông và an ninh trật tự ảnh hưởng đến hoạt động vận tải hành khách công cộng.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện:

a) Chủ động xây dựng quy trình nội bộ về quản lý chất lượng dịch vụ vận tải do đơn vị cung ứng;

b) Phối hợp với Trung tâm trong tổ chức các tuyến xe buýt kết nối với các loại hình vận tải hành khách công cộng khác (đường sắt đô thị, buýt đường thủy, xe điện...)

c) Báo cáo kịp thời về Trung tâm và các đơn vị liên quan các vấn đề về an toàn giao thông và an ninh trật tự ảnh hưởng đến hoạt động vận tải hành khách công cộng.

Điều 8. Về chính sách giá vé cho hoạt động vận tải hành khách công cộng

1. Trung tâm thực hiện:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng phương án giá vé phù hợp với tình hình hoạt động vận tải hành khách công cộng (trường hợp dịch vụ vận tải có trợ giá);

b) Lấy ý kiến của các đơn vị kinh doanh vận tải liên quan về phương án điều chỉnh giá vé (trường hợp dịch vụ vận tải có trợ giá).

2. Đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện:

a) Phối hợp với Trung tâm trong xây dựng phương án giá vé cho hoạt động vận tải hành khách công cộng (trường hợp dịch vụ vận tải có trợ giá);

b) Phối hợp góp ý cho Trung tâm về phương án điều chỉnh giá vé (trường hợp dịch vụ vận tải có trợ giá);

c) Kê khai, niêm yết và sử dụng giá cước vận chuyển hành khách theo quy định hiện hành (trường hợp dịch vụ vận tải không có trợ giá).

Điều 9. Về thanh toán, quyết toán dịch vụ vận tải

1. Trung tâm thực hiện:

a) Xây dựng dự toán kinh phí trợ giá xe buýt, đường sắt đô thị và các loại hình khác của vận tải hành khách công cộng (trường hợp dịch vụ vận tải có trợ giá) trên địa bàn thành phố;

b) Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra và thanh quyết toán kinh phí trợ giá cho đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định;

c) Đôn đốc, hướng dẫn đơn vị kinh doanh vận tải báo cáo quyết toán trợ giá theo đúng thời gian quy định;

d) Tăng cường công tác tuyên truyền và làm việc với các đơn vị kinh doanh vận tải để công khai minh bạch các chế độ chính sách, tài chính, trợ giá.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải đảm bảo tính trung thực, chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ, thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá hoạt động vận chuyển.

Điều 10. Về đầu tư, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng

1. Trung tâm thực hiện đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, tổ chức duy tu bảo trì và sử dụng có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt. Đối với các công trình kết nối các phương thức giao thông công cộng khác nhau (đường sắt đô thị, xe buýt, buýt đường thủy...), Trung tâm chủ động nghiên cứu, phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện đề xuất chủ trương đầu tư đến cấp có thẩm quyền.

2. Công ty Đường sắt đô thị số 1 thực hiện theo quy định về quản lý, khai thác, tổ chức duy tu bảo trì và sử dụng có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

3. Về đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, tổ chức duy tu bảo trì và sử dụng hệ thống kết cấu hạ tầng buýt đường thủy, Trung tâm và các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện theo quy định trong hợp đồng đầu tư (nếu có) hoặc theo quy định hiện hành về kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

4. Về các loại hình khác (xe taxi, xe điện, và xe đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân), các đơn vị kinh doanh vận tải chủ động đảm bảo bến bãi đỗ xe theo quy định hiện hành.

Điều 11. Về đầu tư, khai thác hệ thống thu soát vé tự động cho hoạt động vận tải hành khách công cộng

1. Trung tâm thực hiện:

a) Hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải triển khai kế hoạch phát triển hệ thống thu soát vé tự động cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định hiện hành;

b) Quản lý hệ thống thanh toán bù trừ cho các loại hình vận tải hành khách công cộng.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện:

a) Tổ chức lắp đặt theo lộ trình, hoàn chỉnh hệ thống thu soát vé tự động kết nối với hệ thống thanh toán bù trừ và phù hợp với quy định hiện hành về khung tiêu chuẩn kỹ thuật cho hệ thống thu soát vé tự động dùng trong hoạt động vận tải hành khách công cộng;

b) Cung cấp dữ liệu thanh toán phù hợp cho Trung tâm để phục vụ công tác kiểm tra, thanh quyết toán kinh phí trợ giá và thực hiện thanh toán bù trừ.

Điều 12. Về xử lý thông tin qua các kênh phương tiện thông tin đại chúng, phản ánh và giám sát thông qua thiết bị giám sát hành trình

1. Trung tâm thực hiện:

a) Đề nghị các đơn vị kinh doanh vận tải tiếp nhận ý kiến, phản ánh, kiến nghị của khách hàng và đơn thư liên quan đến hoạt động của các đơn vị;

b) Chủ trì thực hiện trong việc quản lý, khai thác hệ thống thông tin và dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của các đơn vị kinh doanh vận tải phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm, phục vụ việc hậu kiểm và tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện:

a) Trả lời văn bản do Trung tâm chuyển đến (nếu có yêu cầu trả lời) theo đúng thời gian quy định trong văn bản;

b) Tiếp nhận ý kiến, phản ánh, kiến nghị của khách hàng và đơn thư liên quan đến hoạt động của đơn vị;

c) Chịu trách nhiệm xem xét, tự xử lý và chấp hành việc xử lý của các cơ quan có thẩm quyền đối với các thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động của đơn vị như: Phương tiện thông tin đại chúng; Phản ánh của người dân, đường dây nóng; Hình ảnh được quay phim, chụp ảnh; Giám sát trên hệ thống phần mềm của thiết bị giám sát hành trình;

d) Cung cấp kịp thời theo quy định đến Trung tâm và hành khách về thay đổi hoạt động dịch vụ vận tải do đơn vị cung ứng;

e) Cung cấp các thông tin bắt buộc theo quy định từ thiết bị giám sát hành trình trên các phương tiện hoạt động của đơn vị.

Điều 13. Về xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch, và chính sách

1. Trung tâm thực hiện:

a) Lấy ý kiến của các đơn vị kinh doanh vận tải liên quan trong quá trình xây dựng các đề án, kế hoạch và chính sách liên quan đến phát triển vận tải hành khách công cộng (đơn giá, định mức, chính sách giá vé, quản lý chất lượng dịch vụ...);

b) Thông tin kịp thời đến các đơn vị kinh doanh vận tải liên quan về các đề án, kế hoạch và chính sách liên quan.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải chủ động tham gia góp ý, xây dựng các đề án, kế hoạch, và chính sách liên quan đến phát triển vận tải hành khách công cộng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Trung tâm hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện thống kê, báo cáo đột xuất, báo cáo định kỳ theo quy định.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải thống kê, tổng hợp số liệu hoạt động vận chuyển hành khách, thực hiện báo cáo theo quy định, chuyển báo cáo cho Trung tâm và Sở Giao thông vận tải hàng quý, 6 tháng và năm.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm và các đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm phổ biến đến các

cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc thực hiện Quy định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Trung tâm tổng hợp các khó khăn vướng mắc, kiến nghị, đề xuất (nếu có), báo cáo về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan